

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-PT
Ngày 05-12-2024
V/v thay đổi người trực tiếp nuôi con
sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân Thúy

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Ông Phạm Hữu Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 25/2024/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2024 về việc: “Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 31/2024/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 27/2024/QĐPT-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phương Thị L; nơi cư trú: Thôn D, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T và ông Đinh Hữu C - Luật sư Công ty L1 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt.

- Bị đơn: Anh Đoàn Văn T1; ĐKKHKT: Tổ A K, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Nơi ở hiện nay: Thôn T, xã V, huyện T, tỉnh Thái Bình; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T2 và ông Nguyễn Duy N - Luật sư Văn phòng L2 và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt.

- *Người kháng cáo: Anh Đoàn Văn T1 là bị đơn.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại cấp sơ thẩm của nguyên đơn là chị Phương Thị L trình bày:*

Chị và anh Đoàn Văn T1 kết hôn với nhau từ năm 2016 có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 151/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã giải quyết: Cho chị và anh Đoàn Văn T1 ly hôn; về con chung: Giao con chung là Đoàn Quang M, sinh ngày 18 tháng 4 năm 2017 cho anh Đoàn Văn T1 nuôi dưỡng. Tuy nhiên sau khi ly hôn, anh Đoàn Văn T1 đã có những hành vi gây khó khăn, cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung của chị. Mặt khác, cháu Đoàn Quang M hiện đã đủ 07 tuổi, có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Chị đang ở cùng bố mẹ chị tại thôn D, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Ninh và bố mẹ chị cũng tạo điều kiện giúp đỡ cho mẹ con chị ở cùng và chăm sóc cháu M. Chị hiện tại sức khỏe đảm bảo, có công việc và thu nhập ổn định, có thời gian chăm sóc, giáo dục con nên có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu Đoàn Quang M.

Nay, chị yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, đề nghị Tòa án giao con chung Đoàn Quang M, sinh ngày 18 tháng 4 năm 2017 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, bị đơn anh Đoàn Văn T1 trình bày:*

Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 151/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã quyết định: Anh và chị Phương Thị L đã được ly hôn. Về con chung: Giao con chung Đoàn Quang M, sinh ngày 18 tháng 4 năm 2017 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, chị Phương Thị L có đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn đề nghị Tòa án giao con chung Đoàn Quang M, sinh ngày 18 tháng 4 năm 2017 cho chị Phương Thị L nuôi dưỡng, anh không đồng ý vì sau khi ly hôn anh vẫn chăm sóc con chung Đoàn Quang M tốt. Anh hiện nay đang thuê nhà, kinh doanh và sinh sống ổn định tại số A đường T, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng. Cháu Đoàn Quang M đang học tại trường Tiểu học L3, phường P, quận K, thành phố Hải Phòng. Quá trình học tập tại trường, cháu M vẫn học tập tốt và được giấy khen của nhà trường. Anh vẫn tạo điều kiện cho chị Phương Thị L đưa đón và chăm sóc cháu Đoàn Quang M, anh không có hành vi cản trở, gây khó khăn cho chị L quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị Phương Thị L sức khỏe

không đảm bảo để chăm sóc cháu Đoàn Quang M vì chị L bị bệnh co giật. Chị L thường xuyên đi làm xa, không đủ tư cách đạo đức để giáo dục cháu M. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Với nội dung nêu trên, tại bản Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 31/2024/HNGĐ-ST ngày 10/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng đã quyết định:*

Căn cứ khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228; Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 68, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phương Thị L về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Giao cho chị Phương Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Đoàn Quang M, sinh ngày 18 tháng 4 năm 2017. Thời hạn nuôi con tính từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung Đoàn Quang M đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về việc cấp dưỡng: Không giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Ngày 27/9/2024, anh Đoàn Văn T1 kháng cáo, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tuyên huỷ toàn bộ nội dung của Bản án sơ thẩm số 31/2024/HNGĐ-ST ngày 10/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Kiến An và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị Phương Thị L. Lý do kháng cáo: Tòa án không tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn; hiện nay, chị L có tiền sử bệnh tâm thần, không đủ khả năng để chăm sóc, nuôi dạy cháu M; chị L bỏ con từ nhỏ nên không chấp nhận giao con cho chị L nuôi dưỡng.

Tại giai đoạn phúc thẩm, anh Đoàn Văn T1 trình bày: Anh không đồng ý với toàn bộ Bản án số 31/2024/HNGĐ-ST ngày 10/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Kiến An bởi vì: Hiện nay, anh vẫn chăm sóc cháu Đoàn Quang M rất tốt, đảm bảo cho cháu học tập, sinh hoạt đầy đủ. Anh chưa bao giờ có hành vi đe dọa, đánh đập hành hung cháu M. Cháu M hiện đang quen với môi trường học tại Trường Tiểu học V, huyện T, tỉnh Thái Bình và cũng có nguyện vọng được ở cùng bố. Ngoài ra, công việc của chị L không ổn định vì làm thuê phụ thuộc không có thời gian chăm sóc mọi lúc như anh làm online tại nhà. Hơn nữa, chị L bị bệnh thần kinh “Múa giật” từ năm 2018-2023, điều này sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của cháu M. Do đó, anh

đề nghị Toà án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phương Thị L; đề nghị giao cháu Đoàn Quang M cho anh trực tiếp nuôi dưỡng.

Kèm theo Đơn đề nghị, anh T1 cung cấp cho Toà án: Đơn đề nghị nguyện vọng của cháu Đoàn Quang M đề nghị được ở cùng bố; Giấy xác của cô giáo tại trường học nơi cháu M đang học tập và đơn xin xác nhận của UBND xã V, huyện T, thành phố Hải Phòng với nội dung: Chị L có bị bệnh run tay chân; sau khi điều trị bệnh tại bệnh B, chị L xuất viện trở về Bắc Ninh sinh sống, để lại con cho anh T1 và mẹ anh T1 là bà Đặng Thị X chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ngày 12/11/2024, anh Đoàn Văn T1 có đơn đề nghị yêu cầu Toà án thu thập tài liệu chứng cứ về các đợt khám và điều trị tại khoa thần kinh – Bệnh viện B của chị Phương Thị L do bệnh viện không cung cấp thông tin cho anh Đoàn Văn T1.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, giao con chung là cháu Đoàn Quang M cho chị Phương Thị L nuôi dưỡng, không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn thống nhất trình bày: Sau khi ly hôn, anh Đoàn Văn T1 đã có những hành vi cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung của chị L. Hành vi này của anh T1 đã vi phạm khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định về nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con thì hiện nay chị Phương Thị L đang có công việc ổn định, làm việc tại Công ty Cổ phần Đ, với mức lương trung bình là 25 triệu đồng/tháng. Theo đơn trình bày ngày 28/6/2024 và ngày 27/11/2024 của ông Phương Văn K, bà Bùi Thị T3 thì chị L hiện nay đang ở chung với vợ chồng ông K, bà T3 tại Thôn D, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Ninh. Ông K, bà T3 đồng ý cho chị L và con sinh sống cùng và không yêu cầu bất kỳ khoản chi phí nào.

Đối với anh Đoàn Văn T1 thì hiện nay không có chỗ ở ổn định, phải đi thuê nhà, kinh doanh tự do, không có thu nhập ổn định. Theo lời khai của anh Đoàn Văn T1 tại cấp sơ thẩm thì anh đang ăn ở ổn định tại Tổ A, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Tuy nhiên, căn cứ Đơn xin xác nhận ngày 10/7/2024 của chị Phương Thị L gửi Công an phường K thì hiện nay anh Đoàn Văn T1 không có hộ khẩu tại phường K, công dân đã chuyển khẩu về phường P ngày 10/4/2023; theo Đơn xin xác nhận ngày 10/7/2024 của chị Phương Thị L gửi Công an phường P thì anh Đoàn Văn T1 có đăng ký HKTT tại số nhà A đường H, tổ H, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình nhưng hiện tại đã bán nhà và không sinh sống tại địa phương. Đến nay thì anh Đoàn Văn T1 lại cung cấp thông tin là đang ở thôn T, xã V, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Theo đơn trình bày nguyện vọng của con ngày 10/5/2024 của cháu Đoàn Quang M và Biên bản hỏi nguyện vọng của con chung ngày 16/7/2024 của TAND quận Kiến An thì cháu M đã có nguyện vọng là được ở cùng mẹ. Anh T1 đã cản trở việc chị L thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu Đoàn Quang M là trái luật định,

xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của chị L. Hiện nay, anh T1 không có chỗ ăn ở ổn định, không đủ điều kiện nên yêu cầu khởi kiện của chị L là hoàn toàn có căn cứ. Vì vậy, Bản án sơ thẩm tuyên xử giao con chung cho chị Phương Thị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là hoàn toàn đúng luật định. Căn cứ khoản 3 Điều 82; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị HĐXX phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm và bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của anh Đoàn Văn T1.

- Bị đơn thay đổi nội dung kháng cáo, không đề nghị hủy bản án sơ thẩm do vi phạm thủ tục tố tụng mà đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn thống nhất trình bày: Nguyên đơn giao nộp giấy khám sức khỏe nhưng không thể hiện có đủ sức khỏe để trông nom nuôi dưỡng cháu M hay không. Tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu M thể hiện lời lẽ viết trong đơn không phải của cháu mà là của người lớn là mẹ cháu áp đặt. Việc Tòa án, kiểm sát viên lập biên bản hỏi nguyện vọng của cháu là vi phạm khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại khoản 2, 6 Điều 6 Nghị quyết số 01/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao. Chị L không cung cấp được căn cứ chứng minh bị đơn có hành vi cản trở chăm sóc con chung, bị đơn chỉ bắt đồng do cho chị L đón con 4 lần/tháng đi lại đường xá xa xôi nên ảnh hưởng sức khỏe và học tập của con; tự ý cho con đi khám và nhờ rằng khi không bàn bạc với anh T1 khiến cháu bị đau và sưng hàm... Mặt khác, tài liệu xác nhận thu nhập của chị L là không khách quan vì lương tháng là 21.500.000 đồng nhưng mục thuế thu nhập cá nhân, khấu trừ khoản khác và đóng bảo hiểm lại bằng 0 là không khách quan. Việc chị L đi làm việc cách xa nhà sẽ không có thời gian đưa đón con đi học và chăm sóc con bằng anh T1 là người làm việc online và kinh doanh tại nhà và các cơ sở kinh doanh khác. Chị L là người không trực tiếp chăm sóc con từ khi cháu M được sinh ra bị thiếu tháng, do chị bị bệnh phải điều trị tại bệnh viện B và sau đó về ở nhà ngoại; anh T1 và mẹ là bà X là người trực tiếp chăm sóc cháu cho đến ngày nay. Hiện tại cháu M khỏe mạnh, được đi học và trở thành con ngoan, trò giỏi, có xác nhận của trường tiểu học L3, K, Hải Phòng và của cô giáo trường Tiểu học V, Tiên H, Thái Bình. Nay, cháu M có nguyện vọng được ở với bố và bà nội. Vì vậy, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 208, 308 của Bộ L4; Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP của Tòa án nhân dân tối cao: Sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên quyết định giao con cho anh T1 nuôi dưỡng, chăm sóc.

** Đại diện VKSND thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm như sau:*

- *Về tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã chấp hành đúng các quy định trong quá trình tiến hành tố tụng; các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Đoàn Văn T1. Sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 31/2024/HNGĐ-ST ngày 10/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phương Thị L. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Đoàn Văn T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- *Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc: “Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”. Tại thời điểm thụ lý vụ án sơ thẩm, bị đơn cư trú tại số A đường T, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền xét xử sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn là anh Đoàn Văn T1 kháng cáo. Xét kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[2] Về việc thay đổi nội dung kháng cáo: Tại phiên tòa, bị đơn thay đổi nội dung kháng cáo, không đề nghị hủy bản án sơ thẩm do vi phạm thủ tục tố tụng mà đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy, việc thay đổi nội dung kháng cáo của bị đơn không vượt quá phạm vi giải quyết phúc thẩm nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo quy định tại Điều 298 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ.

- *Về nội dung:* Xét kháng cáo của bị đơn, nhận thấy:

[3] Về điều kiện trực tiếp nuôi con: Theo lời khai của các đương sự và tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Chị Phương Thị L hiện đang có công việc là nhân viên kinh doanh và thu nhập ổn định tại Công ty TNHH B1 (thu nhập bình quân đến hết tháng 11/2024 là 25.000.000đồng/tháng. Anh Đoàn Văn T1 làm nghề tự do nên không có bảng lương nhưng có cửa hàng kinh doanh điện thoại ở Thái Bình và ở K, Hải Phòng, thu nhập khoảng 30 triệu đồng/tháng, tuy nhiên anh T1 không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh thu nhập của mình. Hiện nay, cả hai anh chị đều ở nhà cùng với bố/mẹ đẻ của mình và bố mẹ của hai anh chị đều có ý kiến sẽ hỗ trợ, giúp đỡ anh chị khi chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M. Như vậy, xét về điều kiện trực tiếp nuôi con, cả hai anh chị đều có công việc và có thu nhập.

[3] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng việc Công ty TNHH B1 xác nhận về việc đóng bảo hiểm và đóng thuế thu nhập cá nhân của

chị L là không khách quan. Vấn đề này không thuộc phạm vi đánh giá của HĐXX nên không xem xét.

[4] Theo anh T1 trình bày, chị L có tiền sử mắc bệnh thần kinh và phải đi điều trị dài ngày tại bệnh viện B và khám bệnh tại bệnh viện T4, đồng thời đề nghị Tòa án thu thập tài liệu chứng cứ chứng minh việc này.

[4.1] Tuy nhiên, căn cứ Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định về nghĩa vụ cung cấp chứng cứ của đương sự trong tố tụng dân sự như sau: *“Đương sự có nghĩa vụ thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp khi có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình”*. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn không cung cấp được tài liệu đã yêu cầu cơ quan, tổ chức nơi lưu giữ tài liệu cung cấp nhưng không được cung cấp nên mới yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập tài liệu. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm không tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ theo đề nghị của đương sự.

[4.2] Mặt khác, căn cứ Giấy khám sức khỏe ngày 21/11/2024 và 28/11/2024 do Bệnh viện Đ1 tiến hành, thể hiện chị L sức khỏe loại III, điện não chưa phát hiện bất thường, không xuất hiện các gai sóng bất thường, không có hoạt động kích phát.

[4.3] Người bảo vệ quyền, lợi ích của bị đơn cho rằng xác nhận của bệnh viện không thể hiện “đủ điều kiện sức khỏe để nuôi con” là không có cơ sở vì Bệnh viện Đ1 là cơ sở y tế có thẩm quyền khám, chữa bệnh và xác nhận chị L có sức khỏe để lao động, làm việc. Bản thân chị L hiện đang là nhân viên theo Hợp đồng lao động không xác định thời hạn với Công ty TNHH B1 cho thấy sức khỏe của chị L có đủ điều kiện để công tác và làm việc. Bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện chị L bị mất hay hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi dân sự để không đủ khả năng và điều kiện nuôi con hoặc mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bị bệnh nặng khác mà không thể tự chăm sóc bản thân hoặc không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận quan điểm này của bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn về việc nguyên đơn không đủ sức khỏe để trực tiếp nuôi con.

[5] Đối với quan điểm về việc lấy ý kiến về nguyện vọng của con chung:

[5.1] Tại Tòa án cấp sơ thẩm, cháu M đề nghị ở với mẹ nhưng tại cấp phúc thẩm, cháu M lại có đơn đề nghị được ở với bố.

[5.2] Tại khoản 3 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“3. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phải xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên”*.

[5.3] Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thủ tục lấy ý kiến của cháu M có sự tham gia của Kiểm sát viên và chị L là đại diện hợp pháp của cháu M nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc Tòa án tiến hành lấy ý kiến của cháu M là không bảo đảm khách quan hoặc

không bảo đảm thủ tục thân thiện hoặc ép buộc, gây áp lực tâm lý, gây căng thẳng cho cháu M. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cũng cần nghiêm túc rút kinh nghiệm khi tiến hành lấy ý kiến của con chưa thành niên “Không lấy ý kiến trước mặt cha, mẹ để tránh gây áp lực, tâm lý cho con” theo hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 01/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[6] Xét thấy, việc giao con cho ai trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bên cạnh việc xem xét nguyện vọng của con cần xem xét trên cơ sở đánh giá toàn diện về khả năng và điều kiện thực tế để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của cha và mẹ, đảm bảo lợi ích tốt nhất cho con chung phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần, đảm bảo việc sinh hoạt, học tập tốt nhất cho con chung.

[6.1] Lời khai của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Tại thời điểm Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình giải quyết ly hôn ngày 30/10/2023, giáo cháu M cho anh T1 nuôi dưỡng, anh T1 cư trú tại tổ H phường P, tỉnh Thái Bình, sau đó đã bán nhà, không sinh sống tại địa phương; anh T1 thuê nhà và cư trú tại phường V, quận K, thành phố Hải Phòng và hiện nay chuyển về ở tại xã V, huyện T, tỉnh Thái Bình. Tháng 5/2024, cháu M học tập tại Trường Tiểu học L3, quận K, thành phố Hải Phòng; đến tháng 11/2024, cháu M lại chuyển sang học tập tại trường Tiểu học và Trung học cơ sở V, huyện T, tỉnh Thái Bình do anh T1 xin chuyển trường cho cháu.

Như vậy, trong thời gian ngắn, cháu M đã cùng anh T1 thay đổi nơi ở và trường học nhiều lần sẽ làm xáo trộn cuộc sống và việc học tập của cháu M, cháu M lại phải làm quen với môi trường bạn bè mới, cô giáo mới từ đầu, ảnh hưởng đến quá trình học tập ổn định, thường xuyên của cháu. Mặt khác, công việc của anh T1 là lao động tự do, ở nhiều nơi thuộc các tỉnh, thành phố khác nhau sẽ không thể có thời gian đầy đủ, kịp thời để chăm sóc, dạy dỗ, giáo dục cháu M, cho cháu có cơ hội được vui chơi, giải trí một cách tốt nhất đảm bảo cho quá trình phát triển, trưởng thành của cháu.

[6.2] Tại phiên tòa, anh T1 cũng trình bày, anh không ngăn cản việc chăm sóc, thăm nom con chung mà do hai bên bất đồng quan điểm trong việc giao, nhận, đưa, đón, chăm sóc con chung do chị L đón từ Hải Phòng về Hà Nội hoặc về Bắc Ninh và đưa về vào cuối giờ ngày chủ nhật nên anh T1 bận không đón được và nhờ nhân viên đón hộ. Chị L gọi điện cho con, anh T1 trình bày do cháu bị ốm nên không thích hợp trả lời và nói chuyện với chị. Chị L cho rằng, việc anh T1 nêu ra các lý do trên là để không cho chị thăm nom đón con và chị L cũng không yên tâm giao con cho người khác đón và chăm sóc hộ khi anh T1 thuê nhà ở Hải Phòng. Anh T1 cho rằng, sau khi sinh con chị L bỏ mặc không nuôi con, chị L trình bày do sau khi sinh sức khỏe yếu chị L phải nằm viện và khi ra viện chị L có đề nghị đón con để hai mẹ con về bên ngoại chăm sóc nhưng anh T1 và gia đình bên nội không đồng ý, sau đó chị đã về quê anh T1 chung sống và chăm sóc con cho đến khi hai bên ly hôn. Mặc dù, cả hai bên không cung cấp được tài liệu chứng minh việc có cản trở việc thăm nom, chăm sóc con chung hay không song cho thấy có sự bất

đồng và không thống nhất giữa hai bên trong việc chăm sóc con, đặc biệt sau khi anh chị ly hôn.

[6.3] Xét thấy, việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của cả cha và mẹ. Sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung. Anh T1 cho rằng chị L đón con về về Bắc Ninh chăm sóc vào cuối tuần khi anh và cháu M sinh sống ở Hải Phòng là không hợp lý do việc đi lại, đường xá xa xôi ảnh hưởng đến sức khỏe của con nên anh không đồng ý, hai anh chị không thống nhất, bất đồng trong việc thăm nom con. Điều này được anh T1 thừa nhận, đã thể hiện sự ngăn cản chị L thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc con của chị L sau khi ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận lời trình bày của chị L.

[7] Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L: Giao cho chị Phương Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đoàn Quang M, sinh ngày 18 tháng 4 năm 2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với điều kiện thực tế, đảm bảo quyền lợi tốt nhất về mọi mặt của cháu M và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81; điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình.

[8] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phương Thị L và anh Đoàn Văn T1 không có yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án cấp sơ thẩm không đặt vấn đề giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, cấp phúc thẩm không giải quyết là có căn cứ.

[9] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Đoàn Văn T1, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 31/2024/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] Các quyết định khác của bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[11] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của anh Đoàn Văn T1 không được chấp nhận nên anh T1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của anh Đoàn Văn T1. Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 31/2024/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng:

1. Giao cho chị Phương Thị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Đoàn Quang M, sinh ngày 18 tháng 4 năm 2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phương Thị L và anh Đoàn Văn T1 không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết cho đến khi con chung Đoàn Quang M đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

3. Các quyết định khác của bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 31/2024/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Anh Đoàn Văn T1 phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004884 ngày 03 tháng 10 năm 2024 tại Chi Cục thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; anh Đoàn Văn T1 đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP.Hải Phòng;
- TAND quận Kiến An;
- Chi cục THADS quận Kiến An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Vân Thúy